

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2018

V/v Ly hôn giữa chị T và anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Thái
2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị T, sinh năm 1989, địa chỉ: Tập thể nhà máy gạch Tuynel, tổ 3, phường CS, thành phố SL, tỉnh Sơn La, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Trung K, sinh năm 1984, địa chỉ: Tiểu khu NS, xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đào Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Trung K kết hôn với nhau từ năm 2007 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã CM, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/02/2007, khi kết hôn chị và anh K đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn hai

anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính giữa hai vợ chồng là do hai anh chị thường xuyên có bất đồng, cãi vã và anh K có đánh chị. Đến năm 2012, cuộc sống chung trở nên nặng nề, không hạnh phúc. Anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, bản thân chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm và thay đổi để cả hai hiểu nhau hơn nhưng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K đã không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Hoàng Tuyết M, sinh ngày 22/12/2007 và cháu Hoàng Tuyết N, sinh ngày 27/01/2012. Nguyên vọng của chị là được nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu M và N cho đến khi các cháu trưởng thành, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm đã trình bày: Về tình cảm: Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Trung K. Về con chung: Chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Tuyết M và Hoàng Tuyết N, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại biên bản làm việc ngày 13/11/2017, bị đơn anh Hoàng Trung K có ý kiến như sau:

Về tình cảm: Anh đồng ý với phần trình bày của chị T về quá trình kết hôn, chung sống giữa hai vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo anh phát sinh từ khoảng hai, ba năm sau khi kết hôn. Khi vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, chị T một mình đi làm ở Sông Mã, anh ở nhà. Anh chị sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay, chị T có đơn xin ly hôn với anh tại Tòa án, anh đề nghị chị T tự giải quyết, anh không có nghĩa vụ gì. Bản thân anh không còn tình cảm gì với chị T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là các cháu Hoàng Tuyết M và Hoàng Tuyết N như chị T trình bày. Hiện cháu M đang ở cùng mẹ đẻ của anh là bà Vũ Thị C. Cháu N đang sống cùng chị T. Anh đề nghị Tòa án giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh chị khi kết hôn sống cùng mẹ đẻ anh, cũng không có đóng góp gì và không có tài sản gì có giá trị.

Về nợ chung: Anh chị không nợ ai cũng không cho ai vay mượn về tài sản.

Trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 208 BLTTDS và theo đề nghị của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về nguyên nhân phát

sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân, về con chung và tài sản chung, nợ chung ở địa phương nơi các đương sự cư trú:

Kết quả theo ý kiến của chính quyền địa phương và mẹ đẻ của bị đơn cho biết về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh K không quan tâm đến gia đình vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi. Anh chị sống ly thân được khoảng ba, bốn năm nay. Khi chị T có đơn xin ly hôn gửi chính quyền địa phương yêu cầu hòa giải cơ sở, anh K có biết và nhất trí ly hôn nhưng không thiện chí hợp tác giải quyết với chị T. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không thể hàn gắn được. Anh K đã nhiều lần nhận được văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ.

Về con chung: Chị T, anh K có 02 con chung là các cháu Hoàng Tuyết M và Hoàng Tuyết N. Từ khi anh chị sống ly thân, chị T nuôi dưỡng cháu N, cháu M sống cùng mẹ đẻ anh K, anh K không quan tâm gì đến các con. Cần giao các con chung của anh chị cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho quyền lợi của các cháu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có tài sản gì chung có giá trị, cũng không có khoản nợ nào chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với các đương sự: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đào Thị T. Về con chung: Giao các cháu Hoàng Tuyết M, sinh ngày 22/12/2007 và cháu Hoàng Tuyết N, sinh ngày 27/01/2012 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện MS đã triệu tập hợp lệ đối với nguyên đơn Đào Thị T, bị đơn Hoàng Trung K để thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, chị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đối với anh K.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Đào Thị T và anh Hoàng Trung K tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2007, anh chị đã được UBND xã CM, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07/02/2007 (số 12, quyển số 01), khi kết hôn anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được gần 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh K không quan tâm đến gia đình vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi. Anh chị sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Tòa án đã tiến hành thu thập các chứng cứ, xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh K xác định không còn tình cảm với chị T nhưng không thiện chí giải quyết ly hôn, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị đã sống ly thân thời gian đã lâu, vợ chồng không còn quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh K.

[2.2] Về con chung: Chị T, anh K có 02 con chung là các cháu Hoàng Tuyết M, sinh ngày 22/12/2007 và cháu Hoàng Tuyết N, sinh ngày 27/01/2012. Từ khi anh chị sống ly thân, anh K giao cháu M cho mẹ đẻ là bà Vũ Thị C nuôi dưỡng, chị T nuôi dưỡng cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy, các cháu M, N đang còn nhỏ nên cần thiết phải có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Tại phiên tòa, chị T cung cấp bảng lương hàng tháng với thu nhập ổn định và đủ để nuôi dưỡng hai con. Bản thân anh K không quan tâm và có trách nhiệm gì với các con chung. Để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con chung chưa thành niên, cần giao cháu Hoàng Tuyết M, Hoàng Tuyết N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị T không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con chung cũng là tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị T và anh K đều xác định anh chị sau khi kết hôn về ở chung với mẹ đẻ anh K, hai anh chị không có đóng góp gì vào tài sản gia đình, cũng không tạo lập được khối tài sản chung nào có giá trị.

[2.4] *Về nợ chung*: Chị T, anh K không nợ ai cũng không cho ai vay mượn tài sản.

[2.5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đào Thị T và anh Hoàng Trung K.

2. Về con chung:

Giao các cháu Hoàng Tuyết M, sinh ngày 22/12/2007 và Hoàng Tuyết N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu M, N thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh K được quyền thăm gặp con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/04679 ngày 01 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CM;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Văn Thịnh